

# LUẬN A TỶ ĐÀM TỶ BÀ SA



## Chương 1: KIẾN-ĐỘ TẠP

### Phẩm 1: THẾ ĐỆ NHẤT PHÁP, Phần 2

Pháp Thế đệ nhất nên nói là thuộc về cõi Dục chăng? Cho đến nói rộng.

Hỏi: Vì sao soạn luận này?

Đáp: Trước đã nói về thể tánh của pháp Thế đệ nhất và cũng đã nói lý do vì sao gọi là pháp Thế đệ nhất, nhưng chưa nói thuộc về cõi nào. Như con người gọi là vượt hơn, đã nói về sự vượt hơn, nhưng chưa biết chỗ trụ. Nay vì muốn nói nên mới soạn luận này.

Hoặc có người nói: Vì ý nhằm đình chỉ nghĩa đồng đều, như bộ Ma-ha-tăng-kỳ nói: Pháp Thế đệ nhất là thuộc về cõi Dục.

Như Độc Tử bộ nói: Là thuộc cõi Sắc, Vô sắc. Vì sao? Vì nếu địa nào có lĩnh vực của Thánh đạo, thì cũng có pháp Thế đệ nhất.

Như bộ Đàm-ma-quật nói: Hoặc nói lệ thuộc ba cõi, hoặc nói không lệ thuộc, hoặc nói chẳng phải pháp không lệ thuộc. Vì ý nhằm ngăn những thuyết về nghĩa đều cùng như thế, nên soạn luận này.

Hỏi: Vì sao pháp Thế đệ nhất không nên nói thuộc về cõi Dục, nên nói về lý do, không thể chỉ vì lời nói mà nghĩa này được lập?

Đáp: Không do đạo cõi Dục dứt được các cái, cũng không thể chế ngự, khuất phục các triền, cũng không thể làm cho chúng không hiện hành ở trước. Nói dứt, chế ngự khiến không hiện hành nghĩa là hoàn toàn dứt, chế ngự không hiện hành. Vì sao? Vì không có đạo nào trong cõi Dục, có thể làm cho cái, triền hoàn toàn được dứt trừ, chế ngự không hiện hành.

Hỏi: Vì sao trong cõi Dục, không có đạo nào có thể dứt trừ cái, triền rốt ráo?

Đáp: Hoặc có người nói: Vì căn bất thiện trong cõi Dục thì mạnh

mẽ, mà căn thiện thì yếu ớt, cho nên không có đạo nào có thể dứt trừ cái, chế phục triền. Ở cõi Sắc, căn thiện mạnh mẽ, không có căn bất thiện, cho nên có đạo có thể dứt trừ cái, chế phục triền.

Lại có người nói: Căn bất thiện cõi Dục như người ở lâu, còn căn thiện thì như khách. Người ở lâu có thể lực, khách thì không có thể lực, cho nên không có đạo nào có thể dứt trừ. Căn thiện cõi Sắc như người ở lâu, đều là thiện, cho nên có đạo dứt trừ.

Lại có thuyết nói: Căn thiện, bất thiện cõi Dục đều đồng một ràng buộc, cho nên không có đạo dứt trừ. Căn thiện cõi Sắc, căn bất thiện cõi Dục không đồng trói buộc, do đó đạo cõi Sắc có thể dứt trừ cái, chế phục triền cõi Dục.

Lại có người nói: Oai nghi cõi Dục, không có sự kiêng dè, giống như chồng, vợ. Oai nghi cõi Sắc cùng kính trọng nhau như mẹ con.

Lại có người nói: Cõi Dục là phá bỏ pháp hổ thẹn, như con Cừ sĩ giao du với con của Chiên-đà-la. Cõi Sắc có hổ thẹn, như vua không giao tiếp với hàng Chiên-đà-la.

Lại có người nói: Kiết ái cõi Dục căn thiện ái cõi Dục. Vì yêu căn thiện nên không thể sinh khởi tưởng chán lìa. Ái cõi Dục không thể căn thiện cõi Sắc, vì không yêu nên có thể sinh khởi tưởng chán lìa. Do những nhân duyên như thế v.v..., nên trong cõi Dục không có đạo nào có thể dứt cái, chế phục triền, cõi Sắc thì có đạo có thể dứt trừ cái, chế phục triền.

Hoặc có người nói: Nói dứt bỏ cái là dứt trừ rốt ráo, chế phục các triền không hiện hành ở trước nghĩa là dứt ngay trong giây lát. Dứt bỏ rốt ráo, dứt ngay trong giây lát như thế, thì có ràng buộc, không có ràng buộc, có hình, không có hình, có phần nhỏ, không có phần nhỏ, cũng giống như thế.

Lại có người nói: Nói dứt bỏ cái, nghĩa là nhổ bỏ gốc rễ của cái. Nói chế phục không hiện hành ở trước, nghĩa là chế phục các triền.

Lại có người nói: Nói dứt trừ cái nghĩa là nhổ bỏ các phiền não. Chế phục triền không hiện hành ở trước, là chế phục các triền.

Hỏi: Trong cõi Dục, dù không có đạo rốt ráo dứt trừ cái, chế phục triền, nhưng có thể có đạo không dứt cái, chế phục triền trong giây lát chăng?

Đáp: Có, nhưng không đáng tin cậy. Vì sao? Vì không bền chắc, không trụ lâu, không nối tiếp nhau, không liên hệ nhau. Trong tâm không trụ lâu thì không thể chế phục phiền não lâu để được chánh quyết định. Cũng như đám bèo nổi trên mặt nước, ném viên đá nhỏ vào

nó, tuy nó giạt ra rồi lại hợp lại ngay. Éch, nhái chui vào giữa nó, vừa tan là hợp ngay. Vì có những duyên như thế, nên ở cõi Dục dù có đạo dứt bỏ trong phút chốc mà không đáng tin, còn đạo dứt bỏ cõi Sắc thì đáng tin cậy. Vì sao? Vì ở lâu, bền chắc, nối tiếp nhau, liên hệ nhau. Trong tâm trụ lâu thì có thể chế phục phiền não, được chánh quyết định. Giống như ném viên đá to vào giữa đám bèo, bèo giạt ra mà không thể hợp. Voi lớn lội vào giữa thì cũng tan mà không hợp. Vì có các duyên như thế, nên đạo cõi Sắc có thể nhổ bỏ các cái, chế phục sự tác hại của triền, các phiền não bị chế phục sẽ không hiện hành nữa.

Hỏi: Nếu vậy thì theo như ông đã nói: Pháp Thế đệ nhất lẽ ra chỉ ở thiên Vị chí. Vì sao? Vì đạo đối trị đã dứt trừ cái, chế phục triền cõi Dục chỉ có thể ở thiên Vị chí, còn địa trên khác thì không nên có?

Đáp: Đối trị có hai thứ:

1. Đối trị bằng dứt trừ.
2. Đối trị lỗi lầm.

Nếu dựa vào thiên Vị chí, dứt trừ dục cõi Dục thì sẽ có hai thứ đạo đối trị. Các địa trên khác dù không có đối trị dứt, nhưng vẫn có đối trị lỗi lầm.

Tôn giả Cù-sa nói: Trong sáu địa đều có hai thứ đạo đối trị dứt dục cõi Dục, đó là đối trị bằng dứt trừ và đối trị lỗi lầm. Vì sao? Vì dựa vào thiên Vị chí dứt trừ dục cõi Dục. Ngoài ra, các địa không dứt, nghĩa là trước đó đã dứt rồi. Giống như sự sáng suốt mặt trời bất cứ lúc nào cũng ngăn ngại với bóng tối. Lúc mặt trời mới mọc là đã phá tan bóng tối của đêm. Ngoài ra, về ban ngày, dù trái với bóng tối nhưng không phá trừ bóng tối, vì trước đó đã phá rồi. Cũng như sáu người đồng có một kẻ thù, cùng bàn với nhau, ở bất cứ chỗ nào cùng tìm dịp để hại kẻ thù kia, giống như có người đem sáu ngọn đèn đi vào ngôi nhà tối, ngọn đèn đầu tiên đã phá tan bóng tối, các ngọn đèn kế đó, dù trái với bóng tối, nhưng không phá trừ, vì bóng tối đã phá rồi. Cũng thế, trong sáu địa đều có hai thứ đạo đối trị dứt trừ dục cõi Dục, cho đến nói rộng.

Lại nữa, làm sao biết được trong sáu địa đều có hai thứ đối trị dứt trừ dục cõi Dục? Nếu ngay trong sáu địa không có hai thứ đối trị dứt trừ dục cõi Dục, thì hành giả sẽ dựa vào địa trên để được chánh quyết định, không nên phân biệt cõi Dục, cũng không làm chứng, nhưng có thể phân biệt làm chứng. Do duyên này, nên biết được trong sáu địa đều có hai thứ đối trị dứt dục cõi Dục. Nếu đạo cõi Dục có thể dứt trừ cái, chế phục triền, thì cũng có thể trừ diệt được kiết cõi Dục, cho đến nói rộng.

Hỏi: Pháp Thế đệ nhất không thể dứt trừ kiết, vì sao lại nói: phải dùng đạo cõi Dục để dứt trừ cái, chế phục triền? Cho đến nói rộng.

Đáp: Pháp Thế đệ nhất dù không thể dứt trừ kiết, nhưng căn thiện diệu thù thắng bậc nhất này, ở chỗ sâu xa, cần phải cùng với địa kia là đạo cõi Dục cùng ở một chỗ, cho nên dùng đạo để chứng biết.

Hỏi: Vì sao pháp Thế đệ nhất không thể dứt trừ kiết?

Đáp: Vì căn thiện kia quá nhỏ, pháp thân thì chưa lớn, dù vậy vẫn có uy thế lớn, nhưng vì căn thiện nhỏ bé, pháp thân chưa lớn, nên không thể dứt trừ kiết. Nhờ có oai thế lớn, nên không bị các kiết hủy hoại. Như con của sử tử, thân bé nhỏ, chưa lớn thì không thể hại người thợ săn, nhưng vẫn có uy thế lớn, tất cả các thợ săn không thể xâm hại.

Hoặc có người nói: Pháp Thế đệ nhất vì là một sát-na nên không thể dứt trừ kiết.

Hỏi: Khổ pháp nhãn cũng là một sát-na, vì sao có thể dứt trừ kiết?

Đáp: Khổ pháp nhãn kia dù là một sát-na, nhưng về sau vì có tánh đồng nối tiếp nhau, cho nên có thể dứt trừ kiết.

Hoặc có người nói: Khổ pháp nhãn kia là đạo phương tiện, không dùng đạo phương tiện để có thể dứt phiền não, chỉ không dùng đạo cõi Dục để dứt trừ cái, chế phục triền, cũng không thể trừ kiết cõi Dục, mà chính là dùng đạo cõi Sắc để dứt trừ cái, chế phục triền, cho đến nói rộng.

Người tạo nghĩa nói: Vì sao, pháp Thế đệ nhất không thuộc về cõi Dục?

Hoặc có người nói: Vì cõi Dục thấp kém, mà căn thiện của pháp Thế đệ nhất kia thì cao quý.

Lại có người nói: Vì cõi Dục thì mỏng, nhạt, mà căn thiện của pháp kia thì tốt đẹp.

Lại có người nói: Vì cõi Dục thì tán loạn, còn căn thiện kia thì vắng lặng.

Lại có người nói: Vì cõi Dục chẳng phải tu, còn căn thiện kia thì tu.

Lại có người nói: Vì cõi Dục chẳng phải pháp lìa dục, căn thiện kia lại thuận theo pháp lìa dục.

Lại có người nói: Nếu pháp Thế đệ nhất thuộc về cõi Dục, nghĩa là có lỗi tự duyên. Sao gọi là lỗi tự duyên? Như khổ pháp nhãn duyên với năm ấm cõi Dục, nếu pháp Thế đệ nhất thuộc cõi Dục, thì cũng duyên với năm ấm thuộc về cõi Dục. Nếu duyên với năm ấm thuộc cõi

Dục thì pháp kia lẽ ra tự duyên, vì nếu không duyên thì lại trái với văn kinh. Như nói: Như sở duyên của khổ pháp nhãn, pháp Thế đệ nhất kia cũng duyên, tức sẽ có lỗi tự duyên như thế.

Người tạo nghĩa nói: Vì những lý do đó, nên pháp Thế đệ nhất thuộc về cõi Sắc chăng?

Đáp: Pháp cõi Sắc có thể cùng ba thứ đạo tạo ra thứ lớp duyên. Đó là thấy đạo, tu đạo và đạo Vô học. Lãnh vực khác thì không thể cùng ba thứ đạo tạo ra duyên Thứ đệ. Nếu cõi Dục có thể cùng với ba thứ đạo tạo ra duyên Thứ đệ, thì có pháp Thế đệ nhất. Như ba đạo, ba địa, ba căn, thì phần pháp trí sinh đầu tiên, kể là sinh phần tử trí. Cứ như vậy v.v... cõi Sắc có các thứ công đức nên phải nói rộng.

Hỏi: Vì sao pháp Thế đệ nhất không nên nói là thuộc cõi Vô sắc?

Đáp: Vì được chánh quyết định, thì sự thấy đầu tiên ở cõi Dục là khổ hạnh khổ đế, về sau mới cùng với cõi Sắc, Vô sắc.

Hỏi: Khổ đế có bốn hành, vì sao trong đây khi nói thấy khổ chỉ nói khổ hạnh không nói hành vô thường, không, vô ngã?

Đáp: Do câu văn kia nên mới nói như vậy. Khi được chánh quyết định, thấy trước hết là khổ đế cõi Dục, không nên nói là khổ hạnh. Nhưng không như vậy thì người tạo kinh kia có ý gì?

Đáp: Vì biện pháp phương tiện thứ lớp đầu tiên. Như nói khổ hạnh, hạnh vô thường, không, vô ngã lẽ ra cũng nên nói như khổ hạnh.

Lại có thuyết nói: Do khổ hạnh chỉ ở trong khổ đế, còn hành vô thường thì ở trong ba đế, hành không, vô ngã thì có ở tất cả pháp.

Lại có người nói: Khổ đó trái với hết thấy hữu pháp, có thể trừ bỏ sinh tử giống như đứa trẻ, tuy trước mặt có đủ thức ăn ngon, nhưng nếu có người nói: Những đồ ăn ấy là khổ, tức thì liền bỏ.

Lại có người nói: Tất cả chúng sinh ngu, trí, già, trẻ, trong đạo hay ngoài đạo đều tin là khổ.

Lại có người nói: Khổ đó thô, hiện rõ dễ dùng trí nhận biết. Vì sao? Vì Phật nói khổ trí, vì duyên với pháp nào cũng tức là duyên với pháp khổ. Như trí và đối tượng nhận biết của trí, giác và đối tượng được biết rõ của giác, hành và việc thực hành hóa của hành, căn và nghĩa của căn, duyên và sở duyên, nên như trí mà nói.

Lại có thuyết nói: Nói câu văn khổ, tức đã truyền lâu xa. Thuở xưa, chư Phật đều nói khổ hạnh, là vì người tu hành trước là thấy khổ.

Hỏi: Vì sao trước thấy khổ cõi Dục, sau, cõi Sắc, Vô sắc đều đi chung?

Đáp: Hoặc có người nói: Vì khổ cõi Dục thô, hiện rõ ràng dễ thấy cho nên thấy trước. Khổ cõi Sắc, Vô sắc vi tế, không hiện, không rõ ràng, khó thấy, vì cho nên thấy sau.

Hỏi: Nếu vậy thì nỗi khổ thô cõi Sắc và khổ vi tế cõi Vô sắc, vì sao đều thấy?

Đáp: Vì định, bất định. Cõi Dục không định, cho nên thấy trước. Khổ cõi Sắc dù thô, nhưng vì đồng định với cõi Vô sắc nên đều thấy. Định, bất định như thế, trụ ở địa ly dục, trụ ở địa không lìa dục, trụ ở địa tu, không trụ địa tu, nói cũng giống như thế.

Lại có người nói: Khổ cõi Dục là hành, nghĩa là thân sinh bệnh đau khổ, vì cho nên thấy trước. Khổ cõi Sắc, Vô sắc chẳng phải hành, nghĩa là thân không sinh khổ thọ, vì cho nên thấy sau.

Lại có người nói: Vì khổ cõi Dục gần nên thấy trước, khổ cõi Sắc, Vô sắc xa nên thấy sau. Như gần hay xa, hiện thấy hay không hiện thấy, cùng đi chung hay không đi chung, thân này hay thân người khác, cũng giống như thế.

Lại có người nói: Người tu hành, vì thành tựu tánh phàm phu cõi Dục, nên thấy trước, vì không thành tựu tánh phàm phu cõi Sắc, Vô sắc, nên thấy sau.

Lại có người nói: Người tu hành, vì hiện thấy khổ cõi Dục nên thấy trước, khổ cõi Sắc, Vô sắc vì không hiện thấy nên thấy sau.

Hỏi: Nếu khổ cõi Sắc, Vô sắc không hiện thấy, thì người tu hành làm sao thấy?

Đáp: Hiện thấy có hai cách:

1. Lìa dục hiện thấy.
2. Tự thân hiện thấy.

Người tu hành đối với khổ cõi Dục, thì có đủ hai cách hiện thấy, là lìa dục hiện thấy và tự thân hiện thấy.

Người tu hành đối với nỗi khổ ở cõi Sắc, Vô sắc có một thứ hiện thấy, đó là lìa dục hiện thấy. Ví như người đi buôn có hai gánh của cải: một gánh tự mình gánh, một gánh sai người khác gánh. Đối với gánh của cải tự mình gánh lấy thì có hai thứ hiện thấy:

1. Biết vật hiện thấy.
2. Biết nhẹ, nặng hiện thấy.

Đối với gánh của cải sai người khác gánh thì chỉ có một thứ hiện thấy, gọi là biết vật hiện thấy.

Lại có người nói: Khổ cõi Dục có ba thứ: Thiện, bất thiện, vô ký, vì cho nên thấy trước. Khổ cõi Sắc, Vô sắc có hai thứ: Thiện, vô ký,

nên thấy sau.

Lại có người nói: Khi thấy khổ cõi Dục dứt trừ hai thứ kiết: bất thiện, vô ký. Lúc thấy khổ cõi Sắc, Vô sắc, chỉ dứt trừ vô ký, Như bất thiện, vô ký, thì có báo, không có báo, sinh một quả, sinh hai quả, tương ứng với không hổ, không thẹn, không tương ứng với không hổ, không thẹn, phải biết cũng giống như thế.

Lại có người nói: Chê bai nói là không có khổ thì trước là từ cõi Dục, sau là cõi Sắc, Vô sắc. Còn nếu tin là có khổ thì cũng trước là từ cõi Dục, sau mới là cõi Sắc, Vô sắc. Như chê bai sinh niềm tin, thì không trí, có trí, nghi ngờ, quyết định, tà kiến, chánh kiến, phải biết cũng giống như thế. Nếu Thánh đạo khởi thì trước đã làm xong các việc cõi Dục, sau thì cõi Sắc, Vô sắc mới đều cùng có.

Hỏi: Biện sự và thấy đạo có gì khác nhau?

Đáp: Hoặc có người nói: Không có khác nhau.

Hoặc có người nói: Cũng có khác nhau.

Biết rõ nhóm là thấy đạo, dứt trừ kiết là biện sự.

Lại có người nói: Trí nhận biết là thấy đạo, trí dứt trừ là biện sự. Như vậy, trí làm chứng, minh đặc làm chứng, minh đạo giải thoát, quả của đạo, phải biết cũng giống như thế.

Lại có người nói: Chủ thể nhận thức duyên theo cảnh giới là thấy đạo, đối tượng tác động là biện sự.

Lại có người nói: Một sát-na là thấy đạo, trạng thái nối tiếp sau là biện sự.

Như một sát-na, nối tiếp nhau sau đấy, nhập số, số nhập, phải biết cũng giống như thế.

Lại có người nói: Sở tác của đạo vô ngại, gọi là thấy đạo, sở tác của đạo giải thoát, gọi là biện sự. Như sở tác của đạo vô ngại, sở tác của đạo giải thoát, thì lánh xa ác, tu thiện, bỏ vô nghĩa được có, nghĩa ra khỏi nơi thấp kém, nhập thắng xứ, từ bỏ sự hừng cháy của ái, lìa ái để được yên vui, phải biết cũng giống như thế.

Nếu khi được chánh quyết định, trước thấy khổ hành của khổ đế ở cõi Vô sắc. Cũng thế, pháp Thế đệ nhất, nên nói là thuộc cõi Vô sắc chăng? Cho đến nói rộng.

Hỏi: Lúc được chánh quyết định, không thấy trước khổ cõi Sắc, không ngăn pháp Thế đệ nhất được gọi là thuộc cõi Sắc. Như vậy, khi được chánh quyết định, sẽ không thấy trước hành khổ của khổ đế cõi Vô sắc, pháp Thế đệ nhất là thuộc cõi Vô sắc thì có lỗi gì?

Đáp: Trong cõi Sắc có duyên khắp, trí biết có thể duyên với địa

dưới, cho nên có được pháp Thế đệ nhất. Trong cõi Vô sắc, không có trí duyên khắp, có thể duyên với địa dưới, cho nên không có pháp Thế đệ nhất. Chỉ có Thánh đạo khởi, trước đã xong việc ở cõi Dục cho đến nói rộng. Không nên nói pháp Thế đệ nhất là thuộc về cõi Vô sắc. Người tạo ra nghĩa nói: Vì sao pháp Thế đệ nhất không nên nói là thuộc về cõi Vô sắc?

Hoặc có người nói: Cõi Vô sắc kia chẳng phải nhân, chẳng phải địa, chẳng phải đồ đựng. Vì chẳng phải đồ đựng v.v..., nên không có pháp Thế đệ nhất.

Lại có người nói: Nếu xứ kia có căn thiện quán đế, như Noãn, Đảnh, Nhãn, thì xứ này nên có pháp Thế đệ nhất. Vì trong cõi Vô sắc kia không có, nên không có pháp Thế đệ nhất.

Lại có người nói: Nếu xứ có thấy đạo thì sẽ có pháp Thế đệ nhất. Trong cõi Vô sắc, vì không có thấy đạo nên không có pháp Thế đệ nhất.

Lại có người nói: Nếu địa có trí duyên khắp tất cả pháp, cũng có đạo đối trị dứt trừ kiết, tức có pháp Thế đệ nhất. Trong cõi Dục, tuy có trí có thể duyên với tất cả địa nhưng không có đạo đối trị dứt trừ kiết. Trong cõi Vô sắc, tuy có đạo đối trị dứt trừ kiết mà không có trí để duyên với tất cả địa. Cho nên ở cõi Dục, cõi Vô sắc không có pháp Thế đệ nhất.

Lại có người nói: Vì căn thiện cõi Dục không vắng lặng, nên không có pháp Thế đệ nhất. Vì đạo cõi Vô sắc rất vắng lặng, nên không có pháp Thế đệ nhất.

Lại có người nói: Vì căn thiện cõi Dục suy yếu, nên không có pháp Thế đệ nhất. Trong cõi Vô sắc, vì chẳng phải cảnh giới nên không có pháp Thế đệ nhất.

Lại nữa, hoặc có người nói: Nhập định vô sắc, bỏ đi tưởng sắc, cho đến nói rộng.

Hỏi: Không nên nói: Lại nữa, hoặc có người nói. Nếu nói lại có người nói thì nghĩa sẽ không nhất định. Nên nói rằng: Nhập định vô sắc, bỏ đi tưởng sắc, cho đến nói rộng. Vì sao? Vì cùng làm rõ một nghĩa, thành thử không nên như trước đã nói: Hành khổ v.v... của khổ đế ở cõi Vô sắc, mà nên nói rằng: Nhập định vô sắc, bỏ đi tưởng sắc, cho đến nói rộng. Vì sao? Vì đó là nghĩa căn bản, nên nói như thế, nhưng không như vậy thì có nghĩa gì?

Đáp: Ngôn ngữ có hai thứ:

1. Phương tiện.



## 2. Căn bản.

Trước đã nói, là lời phương tiện, sau đã nói, là lời căn bản.

Lại có người nói: Thuyết trước, là nói về khổ pháp nhãn duyên với pháp cõi Dục, thuyết sau, là nói về pháp Thế đệ nhất đồng một duyên với khổ pháp nhãn. Phải biết, cõi Vô sắc không thể duyên với cõi Dục.

Hỏi: Bỏ đi tướng sắc, thể tánh là gì?

Đáp: Là bảy địa. Đó là bốn định vô sắc và ba Vị chí.

Hỏi: Chỗ này nói trừ bỏ tướng sắc, Kiên-độ Bốn đại cũng nói trừ bỏ tướng sắc, như Ba-la-diên nói kệ:

*Bỏ đi tướng sắc  
Đoạn được ái dục  
Với pháp trong, ngoài  
Không gì chẳng thấy.*

Như kinh Chúng nghĩa, nói kệ:

*Cũng không có hữu tướng  
Cũng chẳng không Vô tướng  
Bỏ tướng sắc như thế  
Dứt được nhân khát ái.*

Những điều như thế có gì khác nhau?

Đáp: Hoặc có người nói: Chỗ này nói trừ bỏ tướng sắc, nghĩa là trừ bỏ tướng sắc của địa dưới. Kiên-độ Bốn đại nói loại trừ tướng sắc nghĩa là bỏ đi sắc có đối, như các kinh Ba-la-diên chúng nghĩa nói kệ:

*Trừ bỏ tướng sắc  
Dứt duyên sắc ái.*

Hoặc có người nói: Chỗ này nói trừ bỏ tướng sắc là bốn niệm xứ. Kiên-độ bốn đại nói trừ bỏ tướng sắc nghĩa là thân niệm xứ, như kinh Ba-la-diên chúng nghĩa nói. Trừ bỏ tướng sắc là pháp niệm xứ.

Lại có người nói: Chỗ này nói trừ bỏ tướng sắc là bốn định vô sắc và ba Vị chí. Kiên-độ bốn đại nói trừ bỏ tướng sắc là đệ Tứ thiền, là bài kệ mà kinh Ba-la-diên Chúng Nghĩa đã nói:

*Trừ bỏ tướng sắc  
Trừ ái duyên sắc.*

Lại có người nói: Ở đây nói trừ bỏ tướng sắc, nghĩa là đạo nội ngoại này cùng trừ bỏ pháp tướng sắc, ba pháp còn lại không cùng trừ bỏ pháp tướng sắc.

Pháp Thế đệ nhất nên nói là có giác, có quán; không giác, có quán; không giác không quán?

Hỏi: Vì sao soạn luận này?

Đáp: Vì để ngăn ý của những người kia nói pháp Thế đệ nhất là thuộc về cõi Dục.

Lại có người nói: Trước đã nói thể tánh của pháp Thế đệ nhất đã nói lý do, đã nói về giới, mà chưa nói về địa. Nay sẽ nói.

Lại có người nói: Trước dù đã làm rõ pháp Thế đệ nhất là thuộc về cõi Sắc, nhưng trong cõi Sắc lại có ba thứ địa: Địa có giác, có quán, địa không giác, có quán, địa không giác, không quán, chưa nói pháp Thế đệ nhất là ở địa nào? Nay vì muốn nói. Vì sao? Vì căn thiện cõi Sắc, có loại ở một địa, như tịnh giải thoát, có loại ở hai địa, như hỷ v.v... Nay vì muốn nói địa của pháp Thế đệ nhất, nên soạn luận này.

Pháp Thế đệ nhất hoặc có giác, có quán, cho đến nói rộng.

Hỏi: Thế nào là có giác có quán?

Đáp: Nếu dựa vào Tam-muội có giác, có quán, sẽ được pháp Thế đệ nhất, như thiền Vị chí và Sơ thiền.

Hỏi: Trên nói nương điều ấy có nghĩa gì?

Đáp: Hoặc có người nói: Điều có nghĩa sinh, là nghĩa nương. Khi pháp Thế đệ nhất kia sinh, vì tương ứng với sức định, nên đã gìn giữ phẩm tâm không để tán loạn, đó là nghĩa nương.

Lấy gì để nhận biết? Vì có thành văn nói là đều có nghĩa sinh, là nghĩa nương. Như nói: Nếu nương Tam-muội không thì được chánh quyết định. Trong đây tức đã nói đều có sinh là nghĩa nương. Như khổ pháp nhãn tương ứng với Tam-muội Không là nghĩa nương, đều có sinh. Tam-muội Không cũng tương ứng với pháp Thế đệ nhất, đó gọi là nghĩa nương.

Lại có người nói: Với nghĩa thứ lớp duyên là nghĩa nương. Như nhãn tạng thượng tương ứng với Tam-muội, làm thứ lớp duyên cho pháp Thế đệ nhất, đó gọi là nghĩa nương.

**Lời bình:** Tức nương vào địa kia, đó gọi là nghĩa nương, thuyết như thế là hay.

Hỏi: Thế nào là không giác, có quán?

Đáp: Nếu dựa vào Tam-muội không giác, có quán sẽ được pháp Thế đệ nhất, đấy gọi là không giác có quán, như thiền trung gian chẳng hạn.

Hỏi: Thế nào là không giác, không quán?

Đáp: Nếu nương Tam-muội không giác, không quán sẽ được pháp Thế đệ nhất, đó gọi là không giác, không quán, chẳng hạn như Nhị thiền, cho đến Đệ Tứ thiền.

Hỏi: Vì sao nói pháp Thế đệ nhất ở ba địa?

Đáp: Vì ý muốn nhằm ngăn nghĩa cùng đều, như Di-sa-tắc bộ nói: Pháp Thế đệ nhất là pháp có giác, có quán, có tướng, có thể lực, không nhất định, là tánh phạm phu, duyên hữu vi. Có giác, có quán, là có thể phân biệt.

Có tướng: Vì là năng duyên.

Có thể lực: Vì khó được.

Không nhất định: Vì không có tâm tương tự nối tiếp nhau.

Là phạm phu: Nghĩa là có thể đạt được trong thân phạm phu.

Duyên hữu vi: Nghĩa là duyên các hành.

Vì ý nhằm ngăn nghĩa cùng đều như thế, nên nói là ở ba địa. Nếu dựa vào địa Vị chí được chánh quyết định. Một địa kia thì thấy đạo tu, một địa thì tu pháp Thế đệ nhất. Nếu dựa vào Sơ thiền đạt được chánh quyết định, hai địa kia thì thấy đạo tu, một địa thì pháp Thế đệ nhất tu.

Nếu nương thiền trung gian, được chánh quyết định, ba địa thấy đạo tu, một địa pháp Thế đệ nhất tu. Nếu nương Nhị thiền được chánh quyết định, thì bốn địa thấy đạo tu, một địa pháp Thế đệ nhất tu.

Nếu dựa vào ba thiền được chánh quyết định, thì năm địa thấy đạo tu, một địa pháp Thế đệ nhất tu. Nếu nương Bốn thiền được chánh quyết định, thì sáu địa thấy đạo tu, một địa pháp Thế đệ nhất tu.

Lại có người nói: Nếu dựa vào thiền Vị chí, được chánh quyết định, thì một địa thấy đạo tu, còn một địa pháp Thế đệ nhất tu. Nếu dựa vào Sơ thiền được chánh quyết định, thì hai địa thấy đạo tu, hai địa pháp Thế đệ nhất tu. Nếu nương thiền trung gian được chánh quyết định, thì ba địa thấy đạo tu, ba địa pháp Thế đệ nhất tu. Vì sao? Vì đều là pháp của một địa.

Pháp hữu lậu trong ấy, một thứ. Vị sử sai khiến, nên các việc thiện trong đấy xoay vần chuyển biến thành nhân. Hai thiền trở lên, như trước đã nói.

**Lời bình:** Người kia không nên nói như thế. Vì sao? Vì nếu dựa vào Tam-muội không giác, có quán được chánh quyết định thì sẽ được hai thứ pháp Thế đệ nhất: Có giác có quán, không giác có quán. Nếu vậy thì sẽ trái với văn kinh. Như nói: Sao gọi là không giác, có quán? Nếu dựa vào thiền trung gian thì sẽ được pháp Thế đệ nhất, đấy gọi là không giác, có quán, như trước nói là hay.

Hỏi: Vì sao thấy đạo tu ở địa mình địa người mà chẳng phải pháp Thế đệ nhất?

Đáp: Hoặc có người nói: Vì thấy đạo xoay vần làm nhân, nên

chẳng phải pháp Thế đệ nhất.

Lại có người nói: Thấy đạo tu trong thân bậc Thánh, vì tu trong thân bậc Thánh nên tu ở địa mình địa người. Pháp Thế đệ nhất được tu trong thân phàm phu, do tu trong thân phàm phu nên chỉ tu ở tự địa, chẳng phải tu ở địa người khác.

Lại có người nói: Vì thấy đạo có ba việc cho nên tu:

1. Từ nhân sinh.
2. Có thể làm đối trị.
3. Có thể biện sự.

Từ nhân sinh, nghĩa là trong sáu địa xoay vần làm nhân lẫn nhau.

Đối trị: Nếu đối trị dứt trừ dục của một địa thì địa còn lại cũng được gọi là đối trị dứt trừ.

Biện sự: Như biện sự của một địa, địa còn lại cũng biện. Pháp Thế đệ nhất không từ nhân sinh, nghĩa là không xoay vần làm nhân. Không phải đối trị, nghĩa là không dứt trừ kiết.

Không biện sự, nghĩa là chẳng phải như Thánh đạo có thể làm xong mọi việc. Vì tu đạo cũng lấy ba việc này, nên tu ở địa mình và địa người kia cũng xoay vần làm nhân. Như pháp trí dứt trừ kiết cõi Dục, tỷ trí cũng tu. Tỷ trí đó chẳng phải đạo đối trị cõi Dục. Khi pháp trí hiện tiền, vừa gọi là tu, vừa gọi là đối trị. Biện sự: Như địa đệ Tứ thiền tu khổ trí thì địa Sơ thiền cũng tu. Như đạo của địa Sơ thiền hoàn thành xong công việc thì đạo của địa đệ Tứ thiền cũng hoàn thành. Như đạo của địa đệ Tứ thiền hoàn tất công việc thì địa Sơ thiền cũng hoàn thành.

Lại có người nói: Những việc làm của pháp vô lậu là khác, việc làm của pháp hữu lậu là khác. Vì sao? Vì pháp Thế đệ nhất bị ái trói buộc, còn pháp vô lậu thì không bị thuộc về ái.

Lại có người nói: Vì pháp Thế đệ nhất có nhớ, có lỗi lầm, có cận dục độc hại, cho nên không tu ở địa mình và địa người. Thấy đạo không có vết nhớ, không có lỗi, không có độc hại, không có cận dục, vì cho nên tu ở địa mình, địa người.

Lại có người nói: Pháp Thế đệ nhất ở giới nào thì thuộc về giới đó, tại địa nào thì thuộc về địa đó. Còn pháp vô lậu thì ở tại giới, tại ở địa nào đều không bị lệ thuộc ở địa, nơi giới đó.

Lại có người nói: Pháp Thế đệ nhất ở thân có trói buộc, còn pháp vô lậu ở thân không trói buộc.

Lại có người nói: Pháp Thế đệ nhất tất nhiên sinh báo, còn pháp vô lậu thì không sinh báo.

Hỏi: Đồng là hữu lậu. Vì sao đẳng trí biên của thấy đạo tu ở địa

mình, địa người mà chẳng phải pháp Thế đệ nhất?

Đáp: Hoặc có người nói: Đẳng trí của thấy đạo không dụng công mà được, do sức của thấy đạo nên tu. Như trong thấy đạo có thể tu ở địa mình, địa người, đẳng trí của thấy đạo kia cũng tu. Còn pháp Thế đệ nhất cần phải dùng công sức lớn mới được, vì cho nên chỉ tu ở địa mình, không tu ở địa người.

Lại có người nói: Đẳng trí của thấy đạo là quyền thuộc của thấy đạo, thường không lìa nhau. Như thấy đạo tu ở địa mình và địa người, thì đẳng trí kia cũng giống như thế. Pháp Thế đệ nhất chẳng phải quyền thuộc của thấy đạo, lại lìa nhau, vì cho nên chỉ tu ở địa mình, không tu địa người.

Lại có người nói: Đẳng trí của thấy đạo là bậc Kiên tín, Kiên pháp, có thể đạt được trong thân. Nếu khởi ở địa trên, thì pháp sẽ hiện ở trước, ở địa dưới liền tu. Pháp Thế đệ nhất có thể đạt được trong thân phàm phu, mà tất cả phàm phu thì không thể tu ở địa người.

Hỏi: Vì sao thấy đạo của địa trên, khi hiện ở trước lại tu ở địa dưới? Thấy đạo của địa dưới lúc hiện ở trước, thì địa trên không tu?

Đáp: Hoặc có người nói: Vì pháp của địa trên là hơn, nếu khi hiện ra ở trước, tức là tu ở địa dưới. Còn pháp của địa dưới kém, nên lúc hiện ở trước, không tu ở địa trên. Ví như người vượt hơn không cần phải đến chỉ người yếu kém, còn người yếu kém thì phải tìm đến chỗ người vượt hơn, pháp ấy cũng giống như thế.

Lại có người nói: Nếu nương ở địa trên, được chánh quyết định, các pháp của địa dưới, vì trước đã được, cho nên tu. Nếu dựa vào địa dưới được chánh quyết định, thì các pháp của địa trên hoặc được, không được, vì cho nên không tu.

Lại có người nói: Các pháp của địa trên từ nhân của địa dưới sinh, các pháp của địa dưới không từ nhân của địa trên sinh, thế nên không tu.

Lại có người nói: Pháp của địa dưới không thể đối trị địa trên, pháp của địa trên có thể đối trị địa dưới. Vì không đối trị nên không tu.

Lại có người nói: Nếu dựa vào địa trên được chánh quyết định, thì bấy giờ vì lìa dục của địa dưới nên tu. Nếu dựa vào địa dưới được chánh quyết định, thì địa trên hoặc lìa dục, hoặc không lìa dục. Nếu lìa dục thì đối với pháp của địa trên sẽ không được tự tại. Nếu được tự tại, thì lẽ ra địa trên được chánh quyết định nhưng không thể được, nên biết không tự tại.

Lại có người nói: Pháp của địa dưới thuộc về địa trên, vì cho nên

tu. Còn pháp của địa trên không thuộc về địa dưới, vì cho nên không tu.

Lại có người nói: Giống như có sáu thứ pháp phòng hộ, vì trời Ba Mười Ba chuẩn bị đối phó với A-tu-la, nên sắp đặt sáu thứ phòng hộ là:

1. Dựa vào nước nơi rồng ở.
2. Thần tay cầm chày.
3. Thần tay cầm tràng hoa.
4. Thần Thường bông lung.
5. Bốn Thiên vương.
6. Trời Ba Mười Ba.

Nếu nương vào nước nơi rồng ở, mà có thể đập tan A-tu-la, thì năm thứ còn lại không có việc gì. Nếu rồng ở nước không thể thắng, thì thần tay cầm giúp đỡ, bốn thứ còn lại vô sự, đứng yên. Nếu hai thứ không chiến thắng nổi A-tu-la thì thần Trì Hoa Man giúp đỡ, ba thứ còn lại vô sự, yên ổn. Nếu cả ba không chiến thắng A-tu-la, thì thần bông lung giúp đỡ, hai thứ còn lại vô sự, đứng yên. Nếu bốn thứ không chiến thắng nổi A-tu-la, thì Tứ Thiên vương giúp đỡ, một thứ còn lại vô sự, đứng yên. Nếu cả năm thứ không thắng nổi A-tu-la, thì trời Ba Mười Ba giúp đỡ, Đế-thích vô sự, đứng yên. Nếu những người kia không chiến thắng, thì bấy giờ Đế-thích đích thân tham chiến, cầm chày Kim cương mưa bão Kim cương, lúc đó chúng A-tu-la liền thối lui, tan trận! Cũng thế, đối trị dứt trừ kiết của thấy đạo, trong sáu địa, nếu dựa vào địa Vị chí được chánh quyết định, tức thấy đạo của địa ấy sẽ dứt trừ kiết, thấy đạo thì dứt trừ kiết thì năm địa còn lại vô sự mà trụ. Nếu nương nơi Sơ thiền được chánh quyết định thì các địa trên sẽ vô sự mà trụ. Tu đặc thiền Vị chí cũng thuận theo Sơ thiền. Nếu dựa vào trung gian, Nhị thiền, Tam thiền cũng giống như thế. Nếu dựa vào Tứ thiền được chánh quyết định thì thấy đạo trong bốn thiền kia sẽ dứt trừ kiết, thấy đạo dứt trừ kiết thì tu đặc của địa dưới cũng thuận theo thiền thứ tư.

Lại có người nói: Giống như trên sườn núi có sáu lớp ao thứ lớp mà xuống, nước ở ao trên xoay vần chảy xuống, còn nước nơi ao dưới không thể chảy ngược lên ao trên. Đây cũng giống như thế. Dòng vô lậu của địa trên tuôn chảy xuống địa dưới, vì cho nên tu. Dòng vô lậu của địa dưới không thể chảy ngược lên địa trên, do đó nên không tu.

Hỏi: Pháp Thế đệ nhất từng có giác không có quán chẳng? Có quán không có giác chẳng? Cũng có giác, có quán chẳng? Không có giác, không có quán chẳng?

Đáp: Có.

Thế nào là có giác không có quán ? Như giác của thiền Vị chí, Sơ thiền, tương ứng với quán. Vì sao? Vì quán không tương ứng.

Thế nào là có quán, không có giác? Đáp: Giác tức các pháp tương ứng với quán của thiền trung gian.

Thế nào là có giác, có quán? Như thiền Vị chí, Sơ thiền, trừ giác, quán của hai thiền đó ra, là pháp tương ứng còn lại, cái gọi mười đại địa, là mười thiện đại địa và tâm.

Thế nào là không có giác, không có quán? Đáp: Nghĩa là quán của thiền trung gian, các giác quán còn lại, là pháp bất tương ứng. Như pháp tương ứng của Hai thiền, Ba thiền, Bốn thiền và sắc, tâm bất tương ứng hành.

Hỏi: Có pháp Thế đệ nhất không có giác, có quán, chẳng phải không giác, có quán, chẳng phải không giác, không quán chẳng?

Đáp: Có. Như quán ở địa của thiền Vị chí, Sơ thiền. Hai thiền đó không có giác, có quán. Vì sao? Vì như nói: Thế nào là pháp tương ứng với giác quán? Nếu pháp tương ứng với giác quán thì quán kia chỉ tương ứng với giác, không tương ứng với quán.

Thế nào là chẳng không giác, có quán? Đáp: Là quán. Vì sao? Vì như nói: Thế nào là pháp tương ứng với không giác, có quán? Nếu pháp không tương ứng với giác mà pháp tương ứng với quán thì quán kia chỉ tương ứng với giác không tương ứng với quán.

Thế nào là chẳng phải không giác, không quán? Đáp: Là quán. Vì sao? Vì như nói: Thế nào là pháp tương ứng với không giác, không quán? Nếu pháp không tương ứng với giác, quán, thì quán kia tuy không tương ứng với quán, nhưng tương ứng với giác.

Hỏi: Có pháp Thế đệ nhất, chẳng phải tương ứng với có giác, có quán, chẳng phải không là quán chẳng?

Đáp: Có. Quán của thiền trung gian, thiền kia không tương ứng với giác, quán, chẳng phải không là quán.

Hỏi: Có khi nào pháp Thế đệ nhất ở địa có giác, có quán, chẳng phải giác chỉ là quán chẳng?

Đáp: Có. Ở địa Vị chí và Sơ thiền, giác chỉ tương ứng với quán, chẳng phải giác.

Hỏi: Có khi nào pháp Thế đệ nhất ở địa không có giác, có quán, tương ứng với chẳng phải giác, chẳng phải quán chẳng?

Đáp: Có, là quán của thiền trung gian.

Hỏi: Có khi nào pháp Thế đệ nhất ở địa có giác, có quán, cũng có

giác, có quán, không giác, có quán, không giác, không quán chăng?

Đáp: Có.

Thế nào là có giác, có quán? Như địa của thiền Vị chí và Sơ thiền, pháp tương ứng với giác, quán.

Thế nào là không giác, có quán? Tức là giác kia.

Thế nào là không giác, không quán? Tức là sắc, tâm bất tương ứng hành kia.

Hỏi: Có khi nào pháp Thế đệ nhất ở địa không giác, có quán, không giác, có quán, không giác, không quán chăng?

Đáp: Có.

Thế nào là không giác, có quán? Như thiền trung gian và pháp tương ứng với không giác, có quán.

Thế nào là không giác, không quán? Là người kia quán sắc, tâm bất tương ứng hành.

Pháp Thế đệ nhất nên nói là tương ứng với lạc căn, cho đến nói rộng.

Hỏi: Vì sao soạn luận này?

Đáp: Trước đã nói về lý do, giới địa, thể tánh của pháp Thế đệ nhất, nhưng chưa nói đến tương ứng, nay vì muốn nói (nên soạn luận này).

Lại có người nói: Trước đã nói pháp Thế đệ nhất ở ba địa, chưa nói ở sáu địa. Nay muốn dùng căn để nói về nghĩa sáu địa cho rõ ràng, như nhìn quả A-ma-lặc trong tâm bàn tay.

Hỏi: Thế nào là pháp Thế đệ nhất tương ứng với lạc căn?

Đáp: Nếu dựa vào đệ Tam thiền để được pháp Thế đệ nhất, thì thế nào là tương ứng với lạc căn? Thế nào là không tương ứng với lạc căn? Trừ lạc căn, là pháp tương ứng với các lạc căn khác. Thế nào là không tương ứng? Đáp: Là sắc, tâm bất tương ứng hành của lạc căn.

Hỏi: Thế nào là tương ứng với hỷ căn?

Đáp: Nếu dựa vào Sơ thiền, Nhị thiền để được pháp Thế đệ nhất, thì trong đây tương ứng với cái gì, không tương ứng với cái gì? Trừ hỷ căn, pháp tương ứng với các hỷ căn khác. Không tương ứng với cái gì? Là sắc, tâm bất tương ứng hành của hỷ căn.

Hỏi: Thế nào là tương ứng với xả căn?

Đáp: Nếu dựa vào thiền Vị chí, đệ Tứ thiền, được pháp Thế đệ nhất.

Hỏi: Vì sao không nói thiền trung gian?

Đáp: Nên nói rằng: Nếu dựa vào thiền Vị chí trung gian, đệ Tứ



thiền, được pháp Thế đệ nhất, mà không nói như vậy thì có nghĩa gì? Trung gian thiền chung là Vị chí, trong thiền này, tương ứng với cái gì? Không tương ứng với cái gì?

Tương ứng với cái gì? Trừ xả căn, pháp tương ứng với các xả căn khác.

Không tương ứng với cái gì? Là sắc, tâm bất tương ứng hành của xả căn.

Hỏi: Có pháp Thế đệ nhất, không tương ứng với hỷ căn, lạc căn, xả căn chẳng?

Đáp: Có, là sắc, tâm bất tương ứng hành.

Hỏi: Có pháp tương ứng nào không tương ứng với pháp Thế đệ nhất chẳng?

Đáp: Có. Tức là thể của ba căn.

Pháp Thế đệ nhất nên nói là một tâm hay nhiều tâm, cho đến nói rộng.

Hỏi: Vì sao soạn luận này?

Đáp: Đối với pháp Thế đệ nhất, trước đã nói về thể tánh, đã nói về lý do, đã nói về giới, đã nói về địa, đã nói về tương ứng, nhưng chưa nói hiện ở trước, nay muốn nói về điều ấy.

Hoặc có người nói: Nói pháp Thế đệ nhất là hiện tiền nối tiếp nhau. Vì để ngăn người có ý như vậy, vì muốn làm rõ pháp Thế đệ nhất trong một sát-na hiển hiện ở trước mặt.

Hoặc có người nói: Trước đã nói các pháp tâm, tâm sở theo thứ lớp được chánh quyết định. Hoặc cho là có nhiều tâm pháp tâm sở nơi sát-na kia cũng nhiều. Vì quyết định nghĩa như vậy nên soạn luận này.

Lại có người nói: Nối tiếp nhau có ba thứ: Một là thời tương tục, hai là sinh tương tục, ba là tương trợ tương tục, hoặc cho là không có hai tương tục, chỉ có tương trợ tương tục. Như bộ Di-sa-tắc nói. Vì ngăn ý của người kia nên soạn luận này.

Hỏi: Pháp Thế đệ nhất nên nói là một tâm hay nhiều tâm?

Đáp: Nên nói một tâm, không nên nói nhiều tâm.

Hỏi: Như Pháp Thế đệ nhất hiện tiền, vị lai tu tâm pháp tâm sở, cũng gọi là pháp Thế đệ nhất, trong đây vì sao không nói?

Đáp: Điều đó lẽ ra nên nói mà không nói, phải biết là nghĩa đó là thuyết hữu dư. Như nghĩa hữu dư, nghĩa giản lược cũng giống như vậy.

Lại có người nói: Vị lai kia nghĩa là thuộc về hiện tại. Nếu nói đời hiện tại, phải biết là cũng nói vị lai.

Lại có người nói: Nếu có thể cùng với thứ lớp duyên, thì trong đây

nói. Nghĩa như thế, nên như trước theo thứ lớp mà nói.

Hỏi: Vì sao pháp Thế đệ nhất nên nói là một tâm. Phải nói lý do, vì không chỉ dùng lời mà nghĩa này được lập?

Đáp: Tâm tâm pháp này, theo thứ lớp lại không khởi, chỉ sinh ra tâm hữu lậu thế gian. Tâm tương ứng với khổ pháp nhãn vô lậu, nếu sẽ khởi thì không có việc đó. Vì phân biệt nên giả sử khởi, hoặc nhỏ, hoặc tương tự, hoặc hơn. Nếu thích hợp với nhỏ thì không thể được chánh quyết định. Vì sao? Vì không do suy thối, chưa thành đạo mà được chánh quyết định. Phải dùng đạo với thế lực thắng tiến mới được chánh quyết định.

Nếu tương tự, nghĩa là cũng không thể được chánh quyết định. Vì sao? Vì trước đã không dùng đạo này để được chánh quyết định. Như sát-na đầu tiên, sát-na sau cũng thế. Như sát-na ban đầu bị trở ngại, dừng lại, không được chánh quyết định, thì nhiều sát-na sau cũng bị trở ngại, dừng lại, nên không được chánh quyết định.

Như sát-na đầu tiên không thể nhận lấy Thánh đạo, thì nhiều sát-na sau cũng không thể nhận lấy Thánh đạo.

Hỏi: Nếu vậy thì trong tu đạo, nếu dùng tâm phẩm hạ cũng không thể tiếp nhận Thánh đạo?

Đáp: Thấy đạo khác, vốn từng được đạo khác. Nếu tương đương với pháp vượt hơn, thì cũng không thể được chánh quyết định. Vì sao? Vì pháp trước, chẳng phải pháp Thế đệ nhất.

Hỏi: Nếu chẳng phải thì là pháp gì?

Đáp: Là nhãn tăng thượng, sau là pháp Thế đệ nhất.

Hỏi: Vì sao trong tu đạo, hoặc tương tự, hoặc nhỏ, đều có thể làm thứ lớp cho vô lậu, còn thấy đạo thì chỉ là vượt hơn?

Đáp: Vì tu đạo là đạo đã từng được, không dùng nhiều công sức mà vẫn hiện ở trước, do đó, hoặc giống nhau, hoặc nhỏ, đều làm thứ lớp. Còn thấy đạo là đạo không hề được, cần phải dùng nhiều công sức mới được hiện ở trước, cho nên cần phải dùng pháp vượt hơn là pháp Thế đệ nhất. Về oai thế của nhân pháp Thế đệ nhất, thì nhân là nhân cộng sinh, nhân tương ứng nhân tương tự. Ba nhân này là nghĩa nói chung. Nếu nói riêng thì quá khứ đối với quá khứ có hai nhân là tương ứng và cộng sinh. Quá khứ đối với vị lai có một nhân là tương tự. Vị lai đối với vị lai có hai nhân là tương ứng và cộng sinh. Hiện tại đối với hiện tại có hai nhân là tương ứng, cộng sinh. Hiện tại đối với vị lai có một nhân là tương tự. Không chướng ngại pháp được sinh là duyên oai thế.

Pháp Thế đệ nhất nên nói là thối lui hay nên nói không thối lui,

cho đến nói rộng.

Hỏi: Vì sao soạn luận này?

Đáp: Trước đã nói về thể tánh, lý do, giới địa, căn, một tâm của pháp Thế đệ nhất, chưa nói về không thối lui, nay vì muốn nói về vấn đề đó nên soạn luận này.

Hoặc có người nói: Pháp Thế đệ nhất là thối lui. Vì nhằm ngăn ý của người đó, nên soạn luận này. Hoặc có người nói: pháp thế đệ nhất là lui sụt, vì để ngăn ý người khác. Lại muốn trừ bỏ nghĩa của người khác, hiển bày nghĩa của mình, vì tương ứng với pháp tướng.

Hỏi: Pháp Thế đệ nhất nên nói là thối lui hay nói không thối lui?

Đáp: Không thối lui.

Thế nào là không thối lui? Phải nói rõ lý do tại sao pháp ấy không thối lui? Vì không thể chỉ dùng lời mà nghĩa ấy được lập?

Đáp: Pháp Thế đệ nhất thuận theo đế, chuyển gần đế, nhập vào đế.

Tùy thuận đế là sao? Là thuận theo thấy đạo.

Chuyển gần đế là sao? Là chuyển biến, gần thấy đạo.

Nhập vào đế là sao? Là nhập vào thấy đạo.

Lại có người nói: Tùy thuận đạo đế, chuyển gần đạo đế, nhập vào đạo đế.

Lại có người nói: Tùy thuận khổ pháp nhãn, chuyển gần khổ pháp nhãn, nhập vào khổ pháp nhãn. Pháp Thế đệ nhất đối với khổ pháp nhãn có hai thứ chuyển gần:

1. Tùy thuận chuyển gần.

2. Nhập vào chuyển gần.

Trung gian kia không khởi tâm hữu lậu bất tương tự, khiến cho khổ pháp nhãn không thể hiện ở trước.

Hỏi: Pháp Thế đệ nhất là tâm hữu lậu. Như vừa nói, không khởi tâm hữu lậu không tương tự, khổ pháp nhãn là tâm không tương tự, vì sao nói hữu lậu là tâm không tương tự, vô lậu là tâm tương tự?

Đáp: Pháp Thế đệ nhất là tâm hữu lậu yếu kém, vì lý do yếu kém nên nói là không tương tự, vô lậu nói là tương tự. Giống như có người bị bà con mình làm cho khổ nào, nên gần người khác, nghĩ như bà con, còn đối với thân thuộc mình, nghĩ là người khác. Tâm kia cũng giống như thế.

Lại có người nói: Vì pháp Thế đệ nhất và khổ pháp nhãn đồng nói một việc, đó gọi là xả việc phàm phu được trụ trong Thánh pháp, cũng như sĩ phu qua sông, qua hang, qua núi, qua hầm, cho đến nói rộng.

Qua sông là từ bờ sông bên này sang bờ sông bên kia. Qua hang là

từ dốc bên này qua dốc bên kia. Qua núi là từ núi này đến núi nọ. Qua hầm hố là từ chỗ cao xuống chỗ thấp, từ dưới thấp trèo lên trên cao. Giống như có người từ trên cao rớt xuống, trong khoảng chưa xuống tới mặt đất, bèn nghĩ rằng: Mình muốn trở lại chỗ cũ, chẳng biết có được như ý không?

Đáp: Không được! Dù cho người đó, hoặc dùng thần túc, hoặc dùng chú thuật hay cỏ thuốc để trở lại chỗ cũ thì có thể có việc ấy. Lúc trụ trong pháp Thế đệ nhất, không một pháp nào có thể ngăn ngại khiến cho khổ pháp nhãn không hiện tiền, thí như cỡi Diêm-phù-đề có năm con sông lớn:

1. Hằng -già.
2. Dạ-Ma-Na.
3. Tát- La-Do.
4. A-Di-La-Bạt-Đề
5. Ma-Hê.

Đều chảy ra biển cả cho đến nói rộng.

Hỏi: Thí dụ trước, thí dụ sau có gì khác nhau không?

Đáp: Không có khác nhau. Vì sao? Vì muốn nhờ vào hai thí dụ này để nói về một nghĩa, cho rõ ràng.

Lại có người nói: Người trước, dùng vật của nội pháp làm dụ. Người sau dùng vật của ngoại pháp làm dụ.

Lại có người nói: Thí dụ trước vì ngăn dứt pháp gây trở ngại bên trong. Dụ sau nhằm ngăn dứt pháp gây trở ngại bên ngoài.

Lại có người nói: Dụ trước vì ngăn dứt các việc không đúng như pháp. Dụ sau nhằm làm sáng tỏ các việc đúng như pháp.

Năm con sông kia chảy ra biển cả, không ai có thể ngăn, không người nào có thể làm cho chúng dừng lại, không ai có thể dời đổi chúng được.

Hỏi: Năm con sông lớn đó chảy ra biển cả, liệu có người nào có thể ngăn, làm cho chúng đứng lại, không chảy chẳng?

Đáp: Không! Nếu có người dùng thần túc, chú thuật, cỏ thuốc, để làm cho năm con sông lớn đó dừng lại, không chảy nữa thì cũng chưa phải là khó. Cũng thế, không cách nào có thể gây trở ngại cho pháp Thế đệ nhất, khiến khổ pháp nhãn không hiện ở trước.

Lúc soạn kinh (luận) này, là đang ở phương Đông, năm con sông lớn này cũng ở phương Đông, nên dùng làm dụ. Lại có bốn con sông lớn, bắt nguồn từ ao A-nậu-đạt chảy ra biển cả:

1. Hằng-Già.

2. Tân-Đầu.
3. Bác-Xoa.
4. Tư-Đà.

Sông Hằng -Già từ miệng voi vàng chảy ra, uốn quanh ao A-nậu- đạt rồi chảy về biển Đông. Sông Tân-Đầu từ miệng cửa bò bạc chảy ra, cũng chảy quanh ao lớn trước khi chảy ra biển Nam. Sông Bác Xoa từ mõm ngựa lưu ly chảy ra, uốn quanh ao lớn, rồi chảy ra biển Tây. Còn sông Tư -Đà từ miệng sư tử pha lê chảy ra, cũng quanh ao lớn, rồi chảy ra biển Bắc.

Sông Hằng-già có bốn con sông lớn làm quyến thuộc.

1. Da-Ma-Na.
2. Tát-La-Do.
3. A-Di-La-Bạt-Đê.
4. Ma- Hê.

Sông Tân Đầu cũng có bốn con sông lớn làm quyến thuộc:

1. Tỳ Bà Xa.
2. Y La Bạt Đê.
3. Xa Đa Đầu.
4. Tỳ Đức Đa.

Sông Bác Xoa cũng có bốn con sông lớn làm quyến thuộc:

1. Bà- Na.
2. Tỳ- Đa-La- Ni.
3. Đa- Xa.
4. Cứu -Trọng- Bà.

Sông Tư- Đà cũng có bốn con sông lớn làm quyến thuộc:

1. Tát Lê.
2. Tỳ Ma.
3. Na Đê.
4. Tỳ Thọ Ba Bà.

Ở đây chỉ nói những con sông g lớn, nổi tiếng. Nhưng bốn con sông kia, mỗi sông đều có cả năm trăm quyến thuộc, tính chung có đến hai ngàn dòng chảy ra biển cả.

Hỏi: Có người nào có thể chặn đứng các dòng chảy ấy được chăng?

Đáp: Không thể. Vì không có việc này. Do phân biệt, nên giả sử có người dùng thần túc, chú thuật, cỏ thuốc, làm cho các sông kia dừng lại không chảy thì vẫn chưa phải là việc khó, không một pháp nào có thể làm chướng ngại pháp Thế đệ nhất khiến khổ pháp nhãn không

hiện trước mặt.

Lại nữa, pháp Thế đệ nhất làm thứ lớp duyên cho khổ pháp nhãn, văn này là văn đáp thứ nhất về nghĩa căn bản. Vì sao? Vì lúc pháp Thế đệ nhất sinh, có thể làm quả của thứ lớp duyên cho khổ pháp nhãn.

Nếu pháp này có thể làm quả của thứ lớp duyên cho pháp kia thì pháp này sẽ không có chúng sinh, hoặc pháp, hoặc chú thuật, cỏ thuốc, hoặc Phật, hoặc Bích-chi Phật, hoặc Thanh văn, đều có thể làm chướng ngại, khiến cho sát-na thứ hai không hiện ở trước, nghĩa là không một pháp nào nhanh chóng hơn tâm, ngay bấy giờ có thể gây chướng ngại, làm cho không thể được chánh quyết định.

Người kia nói không một pháp nào nhanh chóng hơn tâm, tức tâm tương ưng với khổ pháp nhãn.

Hỏi: Người tạo ra nghĩa nói: Vì sao pháp Thế đệ nhất không nên nói là thối lui?

Đáp: Hoặc có người nói: Vì căn bản bền chắc, nên hành giả kia lúc tu bố thí đều hồi hướng giải thoát. Trì giới quán bất tịnh, an ban, niệm xứ, bảy xứ thiện, Noãn, Đảnh, Nhẫn cũng hồi hướng giải thoát. Đó gọi là căn bản vững chắc

Lại có người nói: Pháp Thế đệ nhất kế sau là sinh thấy đạo. Vì thấy đạo không có thối lui nên pháp Thế đệ nhất kia cũng không thối lui.

Lại có người nói: Pháp Thế đệ nhất kế sau là sinh nhẫn tri. Vì nhẫn trí không có thối lui pháp Thế đệ nhất cũng không có thối lui.

Lại có người nói: Sau pháp Thế đệ nhất, cho đến dứt trừ kiết, do thấy đạo dứt của Phi tướng Phi phi tướng xứ. Vì thấy đạo không có thối lui trong việc dứt trừ kiết của Phi tướng Phi phi tướng xứ, nên pháp Thế đệ nhất kia cũng không thối lui.

Lại có người nói: Pháp Thế đệ nhất là căn thiện của phần thắng tiến, không có thối lui đối với căn thiện của phần thắng tiến. Nghĩa là pháp Noãn có ba thứ: phần thối lui, phần trụ và phần thắng tiến.

Đảnh cũng có ba thứ. Nhẫn có hai thứ là phần trụ và phần thắng tiến.

Pháp Thế đệ nhất chỉ có một thứ, đó là phần thắng tiến.

Hỏi: Đây đều là căn thiện của phần đạt được, vì sao nói ba thứ?

Đáp: Vì số tên gọi khác.

Như Kiên-độ Định nói: Căn thiện này có ba thứ: Thối lui nơi căn thiện này, gọi là phần thối. Không thối lui, không tiến tới gọi là phần Trụ.

Thắng tiến gọi là phần thắng tiến. Luận kia nói căn thiện có ba thứ, ở đây nói căn thiện của phần đạt được, chỉ số tên gọi khác mà thôi.

Lại có người nói: Căn thiện này là một sát-na, không có thối lui một nửa sát-na.

Hỏi: Có trường hợp nào cả hai bậc vị Thánh đồng sinh một chỗ ? Với pháp Thế đệ nhất có một thành tựu, một không thành tựu chăng?

Đáp: Có. Một là dựa vào Sơ thiên, được chánh quyết định. Hai là dựa vào đệ Nhị thiên, được chánh quyết định. Hai bậc Thánh ấy đều qua đời, sinh trong Hai thiên. bậc Thánh kia dựa vào Sơ thiên, được chánh quyết định thì không thành tựu. Vì sao? Vì lìa địa nên mất. bậc Thánh nương Nhị thiên thì thành tựu.

Hỏi: Có khi nào hai A-la-hán đều ở trong cõi Dục, đối với pháp Thế đệ nhất có một thành tựu, một không thành tựu hay chăng?

Đáp: Có! Một La-lán dựa vào Sơ thiên, được chánh quyết định. Một A-la-hán nương Nhị thiên, được chánh quyết định. Hai La-hán kia đều qua đời, sinh vào Hai thiên, trong ấm chứng quả A-la-hán. A-la-hán dựa vào Sơ thiên, được chánh quyết định thì không thành tựu. Vì sao? Vì lìa địa nên mất.

Hỏi: Có bậc Thánh nào không thành tựu pháp Thế đệ nhất mà thành tựu pháp Thế đệ nhất giải thoát chăng?

Đáp: Có! Dựa vào Sơ thiên, được chánh quyết định. bậc Thánh đó qua đời, sinh trong Hai thiên. Vì lìa địa, nên không thành tựu pháp Thế đệ nhất. bậc Thánh kia thành tựu pháp Thế đệ nhất, được giải thoát. bậc Thánh được giải thoát thuộc về Hai thiên. Nếu qua đời, sinh Tam thiên trở lên thì không thành tựu pháp Thế đệ nhất.

Hỏi: Có bậc Thánh nào không thành tựu pháp Thế đệ nhất, cũng không thành tựu giải thoát đắc chăng?

Đáp: Có! Dựa vào Sơ thiên được chánh quyết định, nếu bậc Thánh đó qua đời, sẽ sinh vào thiên thứ ba trở lên, thì không thành tựu pháp Thế đệ nhất và giải thoát đắc.

Như kinh nói: Các Tỳ-kheo! Ta không thấy một pháp nào hồi chuyển nhanh chóng hơn tâm! Khó dùng thí dụ để nhận biết, cho đến nói rộng.

Hỏi: Nói hồi chuyển nhanh chóng là vì thế gian hay vì duyên? Nếu ở thế gian, thì tất cả pháp hữu vi cũng tùy theo thế gian mà hồi chuyển nhanh chóng, không chỉ có tâm! Nếu ở duyên, thì các pháp tâm, tâm sở nhận lấy duyên, cũng sẽ hồi chuyển nhanh chóng, không chỉ có tâm?

Đáp: Trong đây, vừa nói thế gian hồi chuyển nhanh chóng, vừa nói duyên hồi chuyển nhanh chóng. Nghĩa là trong một thân, chẳng phải nói một sát-na. Nếu một sát-na mà nói hồi chuyển nhanh chóng, thì sẽ có phần ít hồi chuyển nhanh chóng và phần ít không hồi chuyển nhanh chóng. Cũng không có hồi chuyển nhanh chóng ở duyên. Vì sao? Vì như nói: Nếu pháp có thể duyên với pháp kia, thì khi không duyên sẽ không có việc này! Vì thế, nói hồi chuyển nhanh chóng duyên với thế gian, nghĩa là trong một thân chẳng phải một sát-na. Trong một thân kia, hoặc sinh ra tâm thiện, hoặc có khi nhiễm ô, đôi lúc vô ký không ẩn mất, hoặc dựa vào mắt sinh, cho đến dựa vào ý sinh. Nếu duyên theo sắc sinh, cho đến duyên theo pháp mà sinh.

Hỏi: Nếu đối với thế gian, đối với duyên, gọi là hồi chuyển nhanh chóng, pháp tâm, tâm sở cũng hồi chuyển nhanh chóng ở thế gian, ở duyên. Vì sao chỉ nói tâm?

Đáp: Hoặc có người nói: Đây là thuyết hữu dư của Thế tôn. Cũng là Đức Thế tôn, vì hóa độ chúng sinh, nên nói giản lược.

Lại có người nói: đối với tâm pháp, thế nào là hơn? Đó chính là tâm, cho nên nói tâm, giống như vua đến, người khác cũng đến. Vì vua hơn nên chỉ nói vua đến.

Lại có người nói: Vì tâm nên gọi là tâm sở, cho nên nói tâm. Vì tâm lớn, nên số pháp cũng gọi là địa lớn, nên nói là tâm.

Lại có người nói: Nếu khi tu chứng, tâm hiểu các pháp đạo vô ngại kia, chỉ duyên theo tâm, cho nên nói tâm.

Lại có người nói: Tâm là pháp đi xa, như nói:

*Một mình đi  
Không ở thân này  
Nếu điều phục được  
Là Phạm chí đời.*

Lại có người nói: Tâm là người dẫn đường cao quý, như nói:

*Tâm là dẫn trước  
Tâm tôn, tâm khiến  
Trong tâm niệm thiện  
Cũng nói, cũng đi  
Yên vui tự theo  
Như bóng theo hình.*

Hoặc có người nói: Tâm giống như vua, như nói:

*Vua tăng thượng thứ sáu  
Đây nhiễm, kia cũng nhiễm*



*Không nhiễm mà sinh nhiễm  
Người nhiễm, gọi ngu nhỏ.*

Lại có người nói: Tâm, gọi là người đứng đầu trong thành, như nói: Tỳ-kheo! Phải biết, nói là người đứng đầu trong thành, tức là thức hữu lậu.

Lại có thuyết nói: Tâm là pháp bên trong, ở khắp mọi nơi, có sở duyên. Nội, là thuộc về nội nhập. Khấp, nghĩa là từ địa ngục A-tỳ, lên đến Hữu Đảnh. Có thể có sở duyên nghĩa là duyên với tất cả pháp.

Lại có thuyết nói: Có thể khởi Thi la (giới) thiện, bất thiện, như nói: Thi la thiện, bất thiện, đều nhờ tâm mà khởi.

Lại có thuyết nói: Tâm khởi pháp ác, đọa vào đường ác. Tâm khởi pháp thiện, sinh lên cõi người, cõi trời.

Đức Thế tôn nói: Các Tỳ-kheo! Ma-nạp-bà Đô-đề-da-tử-thúc-ca, do sinh tâm ác đối với Như lai, nên khi chết, trong khoảng như ném hạt ngọc, đọa vào đường ác. Tỳ-kheo Ma-nạp-bà Đô-đề-da-tử-thúc-ca, do khởi tâm thiện đối với Như lai, nên khi qua đời trong thời gain như ném hạt ngọc đã được sinh vào đường lành.

Lại có thuyết nói: Tâm này làm chủ, phần nhiều gồm nhiếp, hiểu, như nói: Năm căn này, đều đi khắp cảnh giới, tâm có khả năng đi khắp các cảnh giới.

Lại có thuyết nói: Như tâm hoạt động đối với duyên thì số pháp đều theo. cũng như loài cá đực ở đâu thì cá cái đều theo.

Lại có thuyết nói: Tâm là nơi nương của số pháp.

Lại có thuyết nói: Chỗ thọ thân, chỗ nương của tâm, đều có tâm. Số pháp thì không như vậy, có tăng, có giảm.

Lại có thuyết nói: Nếu tâm không điều phục, không giữ gìn, tu bất tịnh thì số pháp cũng thế. Ngược lại, nếu tâm được điều phục, giữ gìn, tu tịnh thì số pháp cũng thế.

Lại có người nói: Nếu tâm không điều phục, số pháp cũng không điều phục. Vì không điều phục nên lưu hành sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Nếu tâm điều phục thì số pháp cũng được điều phục. Vì chiết phục nên không chạy theo sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Như thùng lược nước, mở vòi trên thì nước tràn đầy, đóng vòi lại thì nước cạn khô. Tâm kia cũng giống như thế.

Lại có người nói: Trước đây, Đức Thế tôn có nói: Tâm hồi chuyển nhanh chóng, phải biết pháp có duyên khác cũng hồi chuyển nhanh chóng. Như kinh nói: Ta không thấy một pháp nào hồi chuyển nhanh hơn tâm, rất khó dùng thí dụ để nhận biết.

Hỏi: Như kinh khác nói: Dùng khỉ, vượn dụ cho tâm, nay vì sao lại nói khó dùng thí dụ để nhận biết?

Đáp: Hoặc có người nói: Với kinh này, khó dùng thí dụ để nhận biết, không nói không thể dùng thí dụ để nhận biết! Vì sao? Vì phàm phu không thể làm được, vì không dễ làm, làm không quá thì giờ, người không có trí tuệ thì không thể làm được.

Phàm phu chẳng thể làm, nghĩa là chỉ có Phật mới làm được.

Không dễ làm: Phải dùng công năng để làm. Không làm quá giờ giấc, nghĩa là phải mặt trời Phật xuất hiện ở thế gian, bấy giờ mới có thể làm.

Người không có trí tuệ không thể làm được, nghĩa là người có tâm thô, ý loạn không thể làm.

Lại không là người phàm tạo ra, nghĩa là có thể biết tâm thiện khởi tướng trụ, diệt, cũng có thể biết sai lệch và biết phương tiện. Như Phật, Duyên giác và các đệ tử khéo biết tướng chung, tướng riêng.

Lại có người nói: Nói khó dùng thí dụ để nhận biết, nghĩa là thí dụ hoặc phải đồng, hoặc phải giống nhau. Đồng, như nói: Tâm hồi chuyển nhanh chóng, giống như thợ, đây là tâm pháp. Trước kia, kinh đã nói: Nếu chẳng phải tâm pháp thì thí dụ không giống nhau. Hơn nữa, khó dùng dụ để nhận biết, nghĩa là không thể dùng một chút công sức mà nhận biết được. Lại nữa, khó dùng thí dụ để nhận biết, nghĩa là như tâm nhanh chóng thì có thể có sở duyên, thí dụ kia cũng thế.

Không có pháp nào bằng tâm: Nghĩa là giống như vượn, khỉ chuyển từ cành này sang cành khác trong khoảng, tâm tướng hồi huyển, có trăm ngàn sát-na.

Tôn giả Ba-xa nói: Đức Thế tôn vì hóa độ chúng sinh, nên lại dùng tâm dụ cho tâm. Vượn, khỉ kia chạy nhảy lằng xằng đều là do tâm làm.

Hỏi: Tâm kia có thể dùng một pháp để làm thí dụ nhất định được không?

Đáp: Hoặc có người nói: Ai có thể làm được? Chỉ có Phật mới làm được. Nhưng không ai có thể biết, nghĩa là Đức Phật biến hóa, tạo một sát-na để dụ cho tâm mà không nhận biết. Cho nên Tỳ-kheo phải khéo nhận biết về tâm, phải khéo nhận biết tâm hồi chuyển, cho đến nói rộng.

Hỏi: Khéo nhận biết tâm, khéo nhận biết tâm hồi chuyển, có gì khác nhau?

Đáp: Hoặc có người nói: Không có khác nhau. Vì nói khéo nhận

biết tâm, tức là khéo nhận biết tâm hồi chuyển.

Lại có người nói: Có khác nhau. Vì nếu quán tướng chung của tâm, thì đó gọi là khéo nhận biết tâm, quán tướng riêng của tâm, đó gọi là khéo nhận biết tâm hồi chuyển.

Lại có người nói: Nếu quán tâm thì đó gọi là khéo nhận biết tâm. Nếu là số pháp thì đó gọi là khéo nhận biết tâm hồi chuyển.

Lại có người nói: Nếu quán tâm niệm xứ thì đó gọi là khéo nhận biết tâm, nếu quán pháp niệm xứ thì đó gọi là khéo nhận biết tâm hồi chuyển.

Lại có thuyết nói: Nếu quán thức ấm thì gọi là khéo nhận biết tâm, nếu quán ấm khác thì gọi là khéo nhận biết tâm hồi chuyển.

Lại có người nói: Nếu quán ý nhập thì gọi là khéo nhận biết tâm, nếu quán nhập khác thì gọi là khéo nhận biết tâm hồi chuyển.

Lại có thuyết nói: Nếu quán bảy thức giới thì đó gọi là khéo nhận biết tâm, nếu quán giới khác thì gọi là khéo nhận biết tâm hồi chuyển.

Lại có người nói: Nếu quán tự tướng của tâm thì gọi là khéo nhận biết về tâm, nếu quán sở duyên, hành, xứ của tâm thì đó gọi là khéo nhận biết sự hồi chuyển của tâm.

Lại có thuyết nói: Nếu quán thức thì đó gọi là khéo nhận biết tâm, nếu quán xứ thức trụ thì gọi là khéo nhận biết tâm hồi chuyển.

Tôn giả Ba-xa nói: Nếu biết tâm có dục thì đó gọi là khéo nhận biết tâm. Nếu biết tâm chuyển lìa dục thì đó gọi là khéo nhận biết tâm hồi chuyển.

Như tâm có dục, tâm chuyển biến lìa dục, tâm có giận, tâm chuyển biến lìa giận, tâm có si, tâm chuyển biến lìa si, tâm tán loạn, tâm gồm nhiếp, tâm lười biếng, tâm tinh tiến, tâm có trạo cử, tâm không trạo cử, tâm ít, tâm nhiều, tâm có nhiễm, tâm không nhiễm, tâm định, tâm bất định, tâm tu, tâm không tu, tâm giải thoát, tâm không giải thoát, tâm trói buộc, tâm không trói buộc, phải biết cũng giống như thế.

Tôn giả Phật-đà-đề-bà nói: Đức Thế tôn nói: Khéo nhận biết sự hồi chuyển của tâm, tức là khéo nhận biết về tên khác của tâm mà nói. Như Kiên-độ Định chép: Trong các đệ tử của ta, Ma ha Bát-đặc-ca là người khéo nhận biết về tâm hồi chuyển, đó là nói tâm niệm xứ, gọi là khéo nhận biết tâm hồi chuyển.

Hỏi: Có khi nào trụ nơi khoảng một sát-na sẽ được pháp Thế đệ nhất, hay sẽ không được duyên của chỗ dựa? Được duyên của chỗ dựa mà không được pháp Thế đệ nhất? Hay vừa được pháp Thế đệ nhất vừa được duyên của chỗ dựa? Hay không được pháp Thế đệ nhất lẫn duyên

---

của chỗ dựa?

Đáp: Có! Gồm bốn trường hợp:

1. Nếu dựa vào thiên vị lai, sẽ được chánh quyết định, trụ nơi nhần tăng thượng, trong khoảng một sát-na được pháp Thế đệ nhất mà không được duyên của chỗ dựa, nghĩa là trừ pháp Thế đệ nhất thuộc thiên Vị chí, hiện ở trước mặt và duyên của chỗ dựa, nghĩa là pháp Thế đệ nhất của các vị lai khác.

2. Được duyên của chỗ dựa, không được pháp Thế đệ nhất: Nghĩa là duyên của chỗ dựa của pháp Thế đệ nhất thuộc về Sơ thiên, Nhị thiên, Tam thiên, Tứ thiên.

3. Được pháp Thế đệ nhất lẫn duyên của chỗ dựa: Nghĩa là pháp Thế đệ nhất thuộc về thiên vị lai, biểu hiện ở trước mặt và duyên của chỗ dựa.

4. Không được pháp Thế đệ nhất lẫn duyên của chỗ dựa: Nghĩa là pháp Thế đệ nhất thuộc về Sơ thiên, Nhị thiên, Tam thiên, Tứ thiên, các duyên của chỗ dựa còn lại.

Hỏi: Có khi nào trụ trong khoảng một sát-na, được pháp Thế đệ nhất mà duyên theo pháp hữu duyên? Hay duyên theo pháp vô duyên? Được duyên theo pháp hữu duyên, vô duyên? Hay sẽ không được duyên trong pháp hữu duyên, vô duyên?

Đáp: Có! Trụ nơi nhần tăng thượng, nên lập ra bốn trường hợp:

1. Trường hợp đầu, nghĩa là pháp Thế đệ nhất có thể duyên theo pháp tâm, tâm sở.

2. Trường hợp thứ hai, nghĩa là pháp Thế đệ nhất có thể duyên theo sắc, tâm bất tương ứng hành.

3. Trường hợp thứ ba, nghĩa là pháp Thế đệ nhất có thể duyên theo pháp tâm, tâm sở, sắc, tâm bất tương ứng hành.

4. Trường hợp thứ tư, trừ các việc.

Người soạn kinh kia nói pháp Thế đệ nhất, thường tạo ra bảy luận: Năm là căn bản, hai là nhân luân sinh luận.

Năm căn bản: Từ câu: Thế nào là pháp Thế đệ nhất, cho đến tương ứng với căn.

Hai nhân luân sinh luận: Phải nói là một tâm, phải nói là không thối lui. Người soạn Tỳ-bà-sa, do đây soạn luận, biểu hiện sự học rộng.

